TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Bà **Trần Kim O,** sinh năm 1972

Địa chỉ: 10 JLN PERMAS 4 BANDAR BARU PERMAS JAYA MASAI, JOHOR, MALAYSIA

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Huỳnh Văn P trình bày:

Ông và bà Trần Kim O quen biết qua mai mối, sống chung như vợ chồng từ năm 1991, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Vợ chồng chung sống thời gian dài nhưng cuộc sống không hạnh phúc do quan điểm sống khác nhau, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên mâu thuẫn ngày càng lớn. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Từ năm 2016 đến nay bà O đã sang Malaysia làm việc và sinh sống lâu dài, ông bà không còn thường xuyên liên lạc nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Ông bà đã không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm nay.

Nay ông nhận thấy vợ chồng không cư trú cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Không công nhận ông và bà Trần Kim O là vợ chồng. Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là cháu Huỳnh Văn M, sinh ngày 19/3/1994 và cháu Huỳnh Khương A sinh ngày 25/4/2005 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Kim O trình bày tại văn bản trình bày ý kiến, có chứng thực của Đ tại Malaysia : Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và con chung đúng như ông Huỳnh Văn P trình bày. Bà xác định giữa bà ông Huỳnh Văn P không còn tình cảm vợ chồng nên không thể đoàn tụ. Hiện nay bà đang làm việc và dự định cư trú lâu dài tại Malaysia nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông Huỳnh Văn P. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Huỳnh Văn P. Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là cháu Huỳnh Văn M, sinh ngày 19/3/1994 và cháu Huỳnh Khương A sinh ngày 25/4/2005 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn P, bị đơn bà Trần Kim O đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O.

[2]. Về nội dung: Ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O quen biết nhau qua mai mối, chung sống như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà không là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O do bất đồng về quan điểm sống, tính cách và hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Ông bà đã không còn sống chung khoản 10 năm nay.

Nay ông Huỳnh Văn P xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà O, ông sống tại Việt Nam và không sang Malaysia đoàn tụ cùng O, bà O cũng xác định không trở về Việt Nam mà cư trú làm việc lâu dài tại Malaysia nên ông bà thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng do ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là Huỳnh Văn M, sinh ngày 19/3/1994 và Huỳnh Khương A sinh ngày 25/4/2005, đều đã thành niên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn P phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P về không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Kim O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn P và bà Trần Kim O.

2. Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là Huỳnh Văn M, sinh ngày 19/3/1994 và Huỳnh Khương A sinh ngày 25/4/2005 đều đã thành niên, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0007813 ngày 26/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Riêng bà Trần Kim O có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hường